TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 2

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 38,12 **B.** 38,04 **C.** 38,13 **D.** 38,139

Câu 2. *(0,5 điểm)* Hỗn số 67 9/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 67,09 **B.** 68,9 **C.** 67,9 **D.** 670,9

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phân số 1/2 viết thành phân số thập phân là:

A. 1/10 **B.** 5/10 **C.** 5/100 **D.** 6/10

Câu 4. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 233,071 đến hàng phần trăm ta được:

A. 233,08 **B.** 233,09 **C.** 233,07 **D.** 233,071

Câu 5. *(0,5 điểm)* Mẹ mua 1,5 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 45 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 67 500 đồng **B.** 45 000 đồng **C.** 90 000 đồng **D.** 675 000 đồng

Câu 6. *(0,5 điểm)* 80,061 : 0,1 = …….

A. 8,0061 **B.** 8006,1 **C.** 80 061 **D.** 800,61

Câu 7. *(0,5 điểm)* 7 km² = ……. ha

A. 70 000 **B.** 70 **C.** 700 **D.** 7000

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tam giác có độ dài đáy 21 cm, chiều cao 18 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 78 cm² **B.** 39 cm² **C.** 189 cm² **D.** 378 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 0,5 = 0,50	
b) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
c) 1 km² = 100 ha	
d) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 31 đơn vị, 4 phần mười, 9 phần trăm, 8 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 7/20 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 2 33/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 587,19 + 67,8 = ……

b) 294,6 − 93,34 = ……

c) 54,6 × 7,4 = ……

d) 3,9 : 0,5 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 2 cm = …… m

b) 3 kg 74 g = …… kg

c) 7 ha = …… m^2

d) 6600 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 6 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 6 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 34 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 25,3 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 4,2 kg, ngày thứ ba bán được 22,06 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 2

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	C	A	D	C	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Câu 10.

a) 31,498

b) 7/20 = 35/100 = 0,35

c) 2,33

Câu 11.

a) 587,19 + 67,8 = 654,99

b) 294,6 − 93,34 = 201,26

c) 54,6 × 7,4 = 404,04

d) 3,9 : 0,5 = 7,8

Câu 12.

a) 3,02

b) 3,074

c) 70 000

d) 0,66

Câu 13.

a) 6 × 2 × 3,14 = 37,68

b) 6 × 6 × 3,14 = 113,04

c) 34 × 3,14 = 106,76

Câu 14.

Ngày thứ hai: 25,3 − 4,2 = 21,1 (kg)

Cả ba ngày: 25,3 + 21,1 + 22,06 = 68,46 (kg)

Trung bình: 68,46 : 3 = 22,82 (kg)